

Chương hai

SỰ XUẤT HIỆN ĐỨC NGÔ MINH CHIÊU VỚI CAO ĐÀI GIÁO

2.1 YẾU TỐ THỜI GIAN

Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Như trên đã nói, chỉ có Thượng Đế Chúa Tể Vũ Trụ mới có cái quyền năng tuyệt đối sáng suốt trong việc cai quản vũ trụ và chỉ mình Ngài mới có đầy đủ uy lực tối linh điều động vũ trụ theo luật diễn biến từ xưa nay. Những lý thuyết phủ nhận Thượng Đế chỉ do phạm ý tự bày ra, không do các Giáo chủ như đã nói ở phần Phật giáo.

Ấy thế nên, nếu ta tìm hiểu thấu đáo chỗ yếu lý của các tôn giáo từ xưa nay, ta sẽ thấy chẳng khác gì một sợi dây nối liền tôn giáo này với tôn giáo kia bằng sự bổ khuyết cho nhau mà không hề có chỗ chấp nối. Ta cứ hình dung đời sống nhân loại như đời sống của một gia đình, trong đó, mỗi người có một tính tình khác nhau, làm một công việc khác nhau, nhưng tất cả đều chú trọng vào một mục đích: ấy là sự nối tiếp tinh thần xây dựng của Tổ tiên với tương lai con cháu. Đời sống nhân loại khác đời sống thú cầm ở chỗ biết suy nghĩ sao cho xứng đáng với Tiên nhân mà không hổ thẹn với đàn hậu tiến. Tuy nhiên, trong

Đông Tân

khi đời sống gia đình quá ư đơn giản thì đời sống của cả nhân loại lại quá ư phức tạp. Ông Cha chung nhân loại tuy lúc nào cũng làm chủ ngôi nhà này, nhưng một khi người con sinh ra, thì người ấy đã được giao phó quyền tự chủ lấy mình, ấy là đạo đức mà tôn giáo nào cũng có giềng mối tín ngưỡng riêng, nhưng tất cả đều không ra ngoài luật Thiên điều.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà nhân loại thắng được Thiên lý đâu. Ta cứ bình tâm tìm hiểu mọi biến trạng của thế giới loài người, dù màu sắc có khác nhau nhưng nguyên lý phát sinh chỉ là một. Cái nguyên lý ấy là một mầm sống thiêng liêng chan hòa trong vạn vật, dù tế vi như thế giới nguyên tử, dù vĩ đại như các tinh cầu cũng không thể thiếu mầm sống ấy được. Người ta bảo đó là một lẽ tự nhiên. Nhưng tự nhiên nghĩa là gì? Có phải là một sự xảy ra ngoài phạm vi khảo sát của con người? Các nhà sư ngộ nhận cho rằng Phật gọi tất cả đều là do nhân duyên, nhưng không có cái mầm sống ấy làm môi trường thì nhân duyên từ đâu mà phát khởi được? Cho nên từ xưa đến nay đã có ai không hề có một đời sống tu kỹ đạt đạo mà biết được cái chết của mình xảy ra lúc nào và ra làm sao hay chưa? Nếu không đạt đạo, thì con người không làm sao thấu rõ Thiên lý hướng chi là thắng được Thiên lý thì quả là một chuyện bịa đặt không may.

Thiên lý tức là cái lẽ Trời màu nhiệm chỉ hé mở cỏn con cho sự khảo sát của con người khi họ biết hòa mình trong cái sống tự giác để thị hiện nếp sống bao quát tiềm tàng trong vũ trụ. Mỗi con người chúng ta, một khi đề cập đến vấn đề này, trước tiên phải tự hỏi đã nhận thức được sự liên hệ của bản thân với quá khứ và vị lai, và đã chân thật với lòng để hiểu thấu đáo chưa? Nếu chưa thế thì dù có theo tôn giáo nào đi nữa cũng chẳng biết đạo giáo là gì, thì làm sao có thể bàn đến vấn đề Thiên lý.

Vì chân lý mang tính hồn nhiên nên muốn tìm hiểu chân lý, con người trước phải có một tâm hồn vô tư và trau giồi tính cách trường cửu, tức là cố thực hiện cái sống trong sạch bao quát nơi mình. Cũng vì thế mà người tu hành phải vô tư, không chấp trước mới thành được đạo.

Mà đã thế, tại sao chúng ta chỉ khư khư lấy một đạo lý nơi mình, chỉ một Giáo chủ của mình, và chỉ tôn giáo mình mới là chân chính khi chỉ dựa theo một địa phương để suy diễn?

Thử hỏi khắp cả mọi người trên mặt đất, hay nói hẹp lại trong phạm vi một nhà, đã có gì đồng nhất tính chưa? Hay mỗi người phải theo một ý riêng biệt? Cho nên Thượng Đế lập nhiều mối Đạo khác nhau để trả lời những khát vọng sai biệt trong khối nhân loại từng địa phương khi bờ cõi chưa khai thông và khi điều kiện giao thông chưa thuận tiện. Ta có thể xác minh điều này trong mọi cá tính dân tộc thích nghi với những điều kiện tâm linh khác nhau. Đừng nói gì cao xa,

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

ngay trong sự thờ phụng tổ tiên người ngoại quốc và người Việt cũng không hề có lối trang hoàng in hệt. Chỉ một đám ma, một đám cưới, hay một nghi lễ thông thường cũng đủ chứng tỏ cá tính của dân tộc ấy. Như vậy thì làm sao có thể buộc tất cả mọi người phải tuân theo một quy điều luật lệ như nhau khi sự đòi hỏi của cá tính nhân loại không có gì là nhất thống?

Tuy nhiên, đó chỉ là những phần sắc tướng thị hiện nơi con người nên có chỗ khác biệt mà thôi, chứ phần tâm linh bao quát tiềm tàng trong vũ trụ thì không hề khác nhau. Thấy đứa trẻ bò trên miệng giếng, bất cứ người nào dù ở nơi đâu đi nữa cũng phải rùng mình. Bất cứ ai giết người phi pháp cũng sợ bị trừng phạt. Cái lương tri kiềm giữ mỗi con người trong toàn khối nhân loại không cho làm chuyện xằng bậy. Chính cái lương tri đồng nhất ấy đã làm cho loài người có thể sống với nhau mà không bị ngăn cản bởi nguồn gốc chủng tộc. Chính nhờ cái lương tri ấy mà một người có thể tôn thờ một tôn giáo ngoại quốc, dù cho những điều kiện sắc tướng trái ngược với tập tục của họ rất nhiều.

Thượng Đế vốn là Tạo Công của những trạng thái lương tri phát khởi từ tâm linh ngự trị nơi con người, nên từ nghìn xưa đến nay, việc con người xuất hiện đầu tiên trên mặt đất cho đến khi thành lập từng bộ lạc, quốc gia, đã cho thấy một sự duy trì Tâm Linh Vũ Trụ không thể không có trong xã hội loài người. Từ đó con người được bẩm thụ một ý thức hoàn toàn tự nhiên có thể chuyển hóa từ sắc tướng hữu vi đến phân vô vi mà nhiệm là nơi hiệp cùng Tạo Hóa, thị hiện chân lý trường tồn.

Vì thế, con người chính là phần sống thiêng liêng biến thể làm thành một nấc thang tiến hóa đem mình hòa hiệp với Thượng Đế là nơi xuất phát đầu tiên. Một sự *phục hồi bản thể* con người không thể thiếu được trong nguyên lý khai sinh vũ trụ mà Thượng Đế đã chấp chương. Nói thế có nghĩa là con người là một trung tâm vũ trụ, đang chủ trì những Tiềm lực thiêng liêng trong sự diễn biến cuộc đời là một phần trong sự diễn biến của vũ trụ.

Cao Đài giáo nhận chân được cái chân lý dung hợp Bản Thể Con Người với Bản Thể Vũ Trụ ấy, cho nên thấu hiểu rằng lúc nào cũng có sự dẫn dắt vô vi của Đấng Cha chung nhân loại trong sự sống còn của xã hội loài người. Do đó, sự cứu rỗi nhân loại không phải chỉ bây giờ hay cách đây hai ba ngàn năm mới có mà đã có từ thời khai sinh nhân loại.

Muốn hiểu tường tận yếu lý của danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thiết tưởng phải tìm hiểu lịch sử nhân loại theo hai quan điểm: theo lời Thánh ngôn trong Cao Đài giáo buổi sơ khai nền đạo (1926), và theo quan điểm sử học Tây phương.

Đầu tiên, ta hãy căn cứ vào những lời Thánh ngôn do Đức Cao Đài đã dạy cho môn đồ những năm đầu Khai đạo để biết được rằng các ý niệm Tam Kỳ Phổ

Đông Tân

Độ được ban hành hoàn toàn từ Vô Vi màu nhiệm chứ không phải qua sự khám phá của một cuộc nghiên cứu nào đã có trước. Ta hãy suy nghiệm lần lượt theo hai quan điểm trên:

☐ Theo Thánh ngôn Cao Đài giáo

Lịch sử nhân loại theo theo lời Thánh ngôn trong Cao Đài giáo buổi sơ khai nền đạo có thể xác minh ba chu kỳ sau đây:

- **Kỷ nguyên Nhất Kỳ Phổ Độ**

Thánh ngôn của Cao Đài giáo có dạy rằng:

Vua Phục Hy (4880 trước Tây lịch) bên Tàu, trước thời đại huy hoàng của Nghiêu Thuấn, đã tạo nền Chánh giáo dịu dặt nhân loại đi trong đường Đạo thị hiện nơi những vị Đại giác lúc bấy giờ để bắt đầu từ đó có chân truyền Nho giáo với Khổng Tử sau này.

Phật giáo không phải khởi từ Thích Ca mà từ Nhiên Đăng Cổ Phật hiện thân vào khoảng đời vua Hiên Viên Huỳnh Đế bên Trung Hoa. Cũng thế, Thánh ngôn Cao Đài cho biết không phải từ Lão Tử mới có đạo Vô Vi mà chính nơi Thái Thượng Lão Quân đã truyền dạy từ trước.

Vào khoảng 2000 năm trước Tây lịch, bên trời Tây Á đã xuất hiện đức Moise^{2.1} cứu vớt dân tộc Hebreux (sau nay là Jews rồi Israel ngày nay) khỏi sự đô hộ của Ai Cập qua sự dịu dặt của Thượng Đế (Yahvé còn gọi là Jéhovah) tại núi Sinai, xứ Canaan (Cổ Palestine). Chính ngài là tiền thân của đức Jésus.

Thời kỳ những vị Thánh nhân Phục Hy, Thái Thượng Lão Quân, Nhiên Đăng Cổ Phật, Moise tiên khởi cứu vớt nhân loại từng địa phương khỏi những thảm trạng ấy, Cao Đài giáo gọi chung là Nhất Kỳ Phổ Độ, có nghĩa là sự cứu rỗi nhân loại lần thứ nhất.

- **Kỷ nguyên Nhị Kỳ Phổ Độ**

Dựa vào đâu mà chúng ta có thể xếp những bậc cứu thế có tính cách huyền thoại như Thái Thượng Lão Quân hay Nhiên Đăng Cổ Phật vào Nhất Kỳ Phổ Độ? Sự thật, với sự hiểu biết của trí óc con người chỉ căn cứ vào khoa học thì có thám vào đâu! Nếu chỉ khư khư vào một hệ thống triết lý phạm tục thì càng nguy hiểm hơn nữa! Dù thế, đứng trên phương diện nào, ta cũng đều nhận thấy có một sự cảm thông giữa những vị Đại giác với nhau, nhất là những vị cùng khai

2.1 Moise có nghĩa là được cứu khỏi nước: *Moise, en hébreu, veut dire: sauvé des eaux.*

nguyên một lý tưởng cứu thế.

Ta lại chẳng nghe lời tiên tri trong Kinh Thánh (*La Bible*) nổi tiếp đức Moise với đức Jésus là gì? (*Mais le jour viendra, dit l'Eternel, que je ferai lever un rejeton de David qui règnera comme roi (Jérémie, 23, 5): Một ngày kia, Đức Thượng Đế bảo: "Ta sẽ cho một con giòng David ngự trị trên muôn loài"*). Cũng một chân lý ấy, đức Khổng Tử đã chẳng từng thốt ra lời than thở ở đất Khuông khi bị mưu sát tại đó với sự thông cảm tự nghìn xưa (*xin xem chương trước*)? Và cũng một chân lý ấy, ta lại chẳng thấy đức Thích Ca đã học Đạo từ đức Nhiên Đăng Cổ Phật đó sao!^{2.2}

Cho nên Cao Đài giáo nhìn nhận sự xuất hiện của đức Lão Đam, đức Khổng Khâu, đức Thích Ca, đức Jésus, đức Mahomet cách nhau cùng một thời kỳ không sai biệt nhau bao nhiêu (*khoảng 500 năm*), trong khoảng trên dưới 2500 năm lại đây, trên mọi cõi bờ khác nhau ấy là Nhị Kỳ Phổ Độ tức là sự cứu rỗi nhân loại lần thứ hai.

Ta không đề cập các Giáo chủ khác đương thời như Pythagore cũng có tính cứu độ nhưng không còn lưu truyền đến nay dù có gây nên ảnh hưởng một thời trong quần chúng.

- **Kỷ nguyên Tam Kỳ Phổ Độ**

Cùng một lúc, mọi khả năng phát triển tâm linh tùy theo trình độ đã thực hiện thành một đường lối tự giải thoát theo hệ thống qua những địa phương cần thiết, Cao Đài giáo thừa nhận có năm bậc tu kỷ mà dù một tôn giáo nào cũng không thể không hàm tàng hoặc toàn bộ hoặc phần này trở hơn phần khác. Đó là:

- Nhân Đạo
- Thần Đạo
- Thánh Đạo
- Phật Đạo
- Tiên Đạo

2.2 **Phật Học Phổ Thông** Số 1, trang 18, do ban Hoằng Pháp Phật giáo Việt Nam xuất bản năm 1957 có ghi rằng: "*Thuở đức Phật Nhiên Đăng còn tại thế, thì đức Thích Ca còn tu hạnh Bồ Tát, tên Thiện Huệ. Một hôm, Bồ Tát Thiện Huệ, nhân gặp một cô gái cầm bầy cành hoa sen xinh tươi thơm đẹp, liền hỏi mua năm cành với giá rất đắt để cúng Phật. Cô gái nhận lời bán năm cành hoa và luôn tiện xin phép gởi Bồ tát hai cành cúng Phật. Một ngày nọ, ngài Thiện Huệ gặp đức Phật Nhiên Đăng đi ngang khúc đường ẩm ướt, ngài liền trải áo và xả tóc ra để lót đường cho Phật qua. Vì lòng thành kính mộ đạo như thế, nên Phật thọ ký cho ngài 91 kiếp sau, thuộc về hiện kiếp ngài sẽ thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Qua thời kỳ đức Phật Ca Diếp ra đời, nhằm hiện tại hiện kiếp thứ 9, ngài Thiện Huệ lại đổi thân và tên là Hộ Minh. Nhờ tu hành tinh tấn, công đức rất nhiều nên ngài lên cõi Trời Đâu Suất thuyết độ chư Thiên và để chờ thời giáng sinh(?)*".

Đông Tân

gọi là Ngũ Chi Đại Đạo theo giáo lý Cao Đài.

Ta có thể xem Chân lý trường cửu, hay Đạo, như một cái cây mà những phần tu học trên đây là những nhánh nhóc. Nhân loại có thể đi đến sự sống miên viễn về tâm linh bằng những phương thức khác nhau, rồi tùy theo sự tu kỹ của mình mà đến nơi đã định, chẳng khác gì tùy theo sức người có thể đến cùng tột của một nấc thang mà trên chót là phần Vô Vi màu nhiệm.

Tuy nhiên, mặc dầu mọi hệ thống đạo giáo được phát khai để làm phương châm tự cứu cho nhân loại, con người càng ngày càng xa dần những căn nguyên chí thiện của mình mà quên đi phần xây dựng trường cửu, chỉ biết cái hiện tại mong manh của kiếp sống phù du ngợp ngối. Bao nhiêu Chánh giáo vì thế càng ngày càng xa dần căn cơ màu nhiệm để trở thành những sắc tướng che đậy vật dục con người. Do đó, những phương lược cứu thế của những vị Giáo chủ ngày càng trở nên vô hiệu, khiến con người càng đi dần vào tội lỗi mà vẫn ngang nhiên tự hào với nếp sống sa đọa của mình.

Vì phần thị hiện chân lý nơi con người không còn hiện thực nếp sống trường tồn của Chân lý Vũ trụ khi phạm tâm con người chỉ thích ứng với những vật dục nhất thời, nhất là trong thời đại này, nhân tâm càng điên đảo, đạo lý càng suy vi, nên Đức Thượng Đế, vốn chấp chương hệ thống cứu thế từ xưa không thể không chuyển hóa phần Tâm Linh sáng tạo mới mẻ dưới một hình thức huyền diệu thực nghiệm hiệu quả hơn để cứu vớt loài người. Do đó Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời, gọi là sự cứu rỗi nhân loại lần thứ ba mà cũng là lần chót để phục hồi bản thể con người vậy.

Như thế, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không phải là một tôn giáo mới, chủ trương đặt để những phần mới lạ khác với nghìn xưa mà là một hình thành cuối cùng của các tôn giáo dung hợp lại, có phận sự làm hiệu nghiệm những căn cơ cứu thế ngày trước với những điều kiện thích ứng cho xã hội đương thời.

Nói đến Đại Đạo - không theo nghĩa từ ngữ là mối đạo lớn - tức là nói đến mọi chánh lý của các tôn giáo được linh động hơn, cũng có nghĩa là nói đến Tiên, Phật, Thánh, Thần, Nhân đạo làm một, tạo thành một nấc thang tiến hóa không ngừng của Con Người trong Vũ Trụ để tìm lại chỗ đồng nhất đã có buổi khai sinh nhân loại.

Nói đến Đại Đạo tức là nói đến một sự gặp gỡ an lành, đượm nhuần ánh sáng của tất cả các giáo thuyết từ xưa nay, khi mục đích cứu đời được nhận chân sáng suốt, không còn những phạm vi nhận xét dị biệt và độc tôn theo phạm giáo.

Sự xuất hiện Cao Đài giáo, vì thế không phải là một sự ngẫu nhiên, mà là sự tiếp nối đã được tiên tri trong kinh sách các tôn giáo trước.

Từ buổi sơ khai nền đạo, Đức Cao Đài đã dạy môn đồ rằng ý nghĩa của Đại

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã được minh định từ trước trong quyển Phật Tông Nguyên Lý của Phật (Thánh ngôn ngày 26 tháng 4 Bính Dần). Trong sách này, đức Thích Ca Mâu Ni nói với môn đệ là A-Nan như vầy: "Sau khi ta nhập Nát bàn, một vị Bồ Tát sẽ giáng thế cứu độ chúng sanh. Người sẽ chỉ rõ những Chân lý mà ta đã dạy người. Người sẽ truyền bá mối đạo của Người, một mối đạo cao cả tự thỉ thí chung, kể về tinh thần và ý vị. Người sẽ công bố một đời sống hoàn toàn và thanh khiết".^{2,3}

Hệ thống cứu thế lần thứ ba của Cao Đài giáo còn được nhận biết rõ ràng hơn trong câu nói của Đức Thiên Chúa thị hiện nơi đức Jésus Christ:

"Nếu các người yêu mến Ta thì giữ gìn các điều răn của Ta. Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban cho các người một Đấng An Ủi khác để ở với các người đời đời tức là Thần Lẽ Thật mà thế gian không thể nhận lãnh được vì chẳng thấy và chẳng biết Ngài, vì Ngài vẫn ở với các người và sẽ ở trong các người" (Jean 14, 15,16,17).

Nhưng Đấng An Ủi tức là Đức Thánh Linh, Cha sẽ nhân danh Ta sai xuống, Đấng ấy sẽ dạy dỗ các người mọi sự, nhắc lại cho các người nhớ mọi điều Ta đã phán cùng các người" (Jean 14, 26).

Ta còn có nhiều chuyện nói với các người nữa nhưng bây giờ những điều đó cao quá sức các người. Lúc nào Thần Lẽ Thật đến thì Ngài sẽ dẫn các người vào mọi Lẽ thật" (Jean 16, 12).

Ngoài ra ở trang bìa một quyển sách thuộc đạo Minh Sư cách đây khoảng một thế kỷ, ta thấy hai câu như sau:

*"Cao như Bắc khuyết nhân chiêm ngưỡng,
Đài tại Nam phương đạo thống truyền".*

Tuy nhiên, hệ thống cứu thế của Đấng Chúa Tế Vũ Trụ không phải bộc lộ một cách rõ rệt để ai cũng nhận thức dễ dàng mà tiềm tàng trong lương tri và siêu thức nơi con người. Điều đó không gì lạ bởi vì đó là một Chân lý, mà trên đời này phần lãnh hội Chân lý trường cửu của vũ trụ có là bao!

☐ Theo quan điểm sử học Tây phương

Trên đây là những điều khái thị từ Thế giới Vô hình cho những môn đồ Cao Đài đầu tiên ý thức được vai trò trong giai đoạn cứu thế hiện tại.

Tiếp theo là sự tìm hiểu của soạn giả đứng trên lập trường của một sử gia để nhận định ý nghĩa của danh hiệu Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

2.3 Sưu tầm của ông Nguyễn trung Hậu.

Đông Tân

Thật ra, người tín hữu Cao Đài khi đi tìm lịch sử thế giới nhân loại từ nghìn xưa đến nay đã không đồng quan điểm với các sử gia Âu châu khi phân chia các thời kỳ tiến triển của nhân loại theo các thời kỳ tương ứng như:

- Thời Thượng Cổ từ trước đến cuối thế kỷ thứ V sau Tây lịch
- Thời Trung Cổ từ năm 476 đến 1453
- Thời Cận Kim từ năm 1453 đến 1789
- Thời Hiện Kim từ năm 1789 đến nay...

Sự phân chia này chỉ có thể kiểm chứng đối với lục địa Âu châu bởi nền văn minh của nhân loại nói chung đã tùy theo sự tiến triển của một quốc gia với tình hình thổ địa mỗi nơi mỗi khác. Bên cạnh đó, trình độ dân trí các quốc gia cũng theo với phong thổ mỗi nơi không hề đồng loạt như nhau. Lục địa Âu châu lại là lục địa có mức tiến triển về địa lý đi sau các lục địa khác, nên sự tiến triển về nhân văn cũng không đồng thời với các lục địa này, chẳng hạn như Á châu vốn đã có một nền tảng văn minh từ thời sơ khai.

Cho nên, muốn tìm hiểu lịch sử nhân loại thì phải mà không chịu khám phá phần tiến triển về địa lý, về nhân văn, về thiên văn của lục địa Á châu vốn là nền tảng cho mọi tiến triển các phần liên hệ trên khắp thế giới, trong đó Âu châu, Mỹ châu, Úc châu rồi Phi châu chỉ là những biến thể tuần tự sau Á châu không thể chối cãi. Bởi thế, khi nhìn vào lịch sử nhân loại mà chỉ đứng trên quan điểm của Âu châu thì thật là một sự thiếu sót nếu không muốn nói là sự nhầm lẫn rất lớn lao vậy.

Nếu thế lịch sử loài người phải được suy diễn như thế nào đây để mọi người trên các lục địa đều phải công nhận dù sinh hoạt mỗi nơi mỗi khác nhau.

Bởi những lẽ đó, khi mưu cầu một sự cứu vãn chung cho toàn nhân loại, Cao Đài giáo không thể căn cứ vào những lập luận phiến diện mà phải tìm vào những đại thể bao quát.

Chính danh hiệu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đã khai sáng một kỷ nguyên mới sau hai kỷ nguyên đã qua trong lịch sử nhân loại mà tôi tạm gọi mỗi kỷ nguyên này thể hiện một thời đại văn minh đã dẫn dắt con người từ thời hỗn mang chưa được khai hóa đến độ khai hóa hoàn toàn.

Căn cứ theo lịch trình diễn biến của tư tưởng nhân loại qua cuộc sống chung của thế giới, người tín hữu Cao Đài nhận định lịch sử loài người đã trải qua hai thời kỳ văn minh, đến nay sẽ bắt đầu thời kỳ văn minh thứ ba. Mỗi thời kỳ như thế trải dài khoảng 25 thế kỷ nên cũng có thể gọi là đại chu kỳ 2500 năm. Mỗi thời đại văn minh mang một đặc tính riêng bao gồm trong sinh hoạt của tư tưởng nhân loại và chi phối hoạt động của con người về mọi mặt văn hóa, chính trị, kinh tế, văn học, khoa học v.v..., trong đó tôn giáo đi đầu.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

- **Kỷ nguyên văn minh thứ nhất** (từ năm 3000 đến năm 500 trước Tây lịch)

Lẽ cố nhiên, cái thời điểm nhân loại được khai sinh trên mặt địa cầu đến nay vẫn mù mịt. Lịch sử loài người chỉ được nhận biết từ khi có những di tích còn để lại, dù rằng những di tích ấy đã lùi lại quá xa theo thời gian. Cho nên, dựa vào những di tích còn có thể sưu tầm được, ta có thể đưa ra một nhận định về nền văn minh thứ nhất của nhân loại bắt đầu từ năm 3000 đến năm 500 trước Tây lịch, trong khoảng thời gian 2500 năm.

Trong thời kỳ này, mọi sinh hoạt nhân loại đều do yếu tố tôn giáo qui định. Đặc tính của các tôn giáo ở thời kỳ này là tác dụng của Thần linh trong mọi lĩnh vực khai sáng từ buổi ban sơ. Ta gọi đó là do yếu tố **Thiên** chủ trì nơi các tôn giáo bất kể tôn giáo ấy đã xuất phát từ đâu trên mặt địa cầu.

Sự tiến hóa trong thời kỳ này không phải đột khởi nhất thời mà có tính cách liên tục bổ sung nhau trong một chu kỳ cần thiết cho sự xuất phát các nguồn động lực sáng tạo của mỗi chu trình tiến triển của xã hội loài người trong mọi phạm trù hoạt động cố hữu mà lịch sử còn ghi lại đến nay.

Trong kỷ nguyên văn minh thứ nhất, các tư phương tiến triển theo từng nhịp, nơi đâu cũng có cuộc sống đời đời sự cung ứng cho nhu cầu xã hội nơi đó, nhưng tất cả chung lại mới thành đà tiến cho xã hội loài người không phân biệt. Ta có thể kể các tôn giáo chính như sau:

- *Trung Hoa giáo hay Nho giáo* (Religion Chinoise)

Phát khởi từ đời Phục Hy (từ 4459 trước Tây lịch) đến Chu Văn Vương (2852-1144 trước Tây lịch) thành hình Kinh Dịch qui định trật tự xã hội quân chủ với ý niệm Thiên Đế bằng một vũ trụ quan biến dịch làm nền cho mọi diễn biến tư tưởng con người trong hành động với một quan niệm phiếm thần, trong đó Thượng Đế có trong tất cả (*Thiên Địa Vạn Vật Nhất Thể*). Hệ thống Trung Hoa giáo đã nêu ra một quan niệm hữu vũ trụ (*cos-mic*) làm nền cho truyền thống đạo học tại Á đông mà nhân loại đã biết đến xưa nay.

- *Ba Ty Luân giáo* (Religion Babylonienne)

Thừa tự nền Sumer-giáo vùng Lưỡng Hà Châu (Mésopotamie) thời Thượng Cổ (4000 năm trước Tây lịch) vốn của dân bản địa, phát khai từ thời lập quốc, Ba Ty Luân trên hết thờ thần Mardak và sao đó thờ thần Ea. Thờ Thần linh theo quan niệm phàm tục, phồn thịnh nhất là dưới triều vua Hammourabi (1750 - 1312 trước Tây lịch) khám phá những chu trình thiên văn qua sự qui định năm, tháng, ngày, giờ; sau đó tiếp đến sự khai sáng

Đông Tân

các mẫu tự mà Tây phương còn dùng đến nay. Đồng thời tôn giáo này còn có một trình độ hiểu biết về lẽ thiện ác với hậu quả của nó sau khi chết để cảnh tỉnh con người cũng như truyền thống đạo lý gia đình xã hội tương tự như truyền thống Trung Hoa.

- *Ai Cập giáo (Religion Égyptienne)*

Phồn thịnh từ thời Cổ Ai Cập (3000-1300 trước Tây lịch) mang tính chất đa thần nối tiếp tín ngưỡng thời tiền sử qua sự thờ trên hết thần Ra còn gọi là Amon-Ra, thần Mặt Trời và Osiris, sau đó là việc khám phá sự hiện hữu của linh hồn bất diệt gọi là Baal nơi con người và sự thưởng phạt linh hồn đó ở thế giới vô hình bởi Osiris. Nếu có tội, linh hồn sẽ chịu khổ hình còn nếu không có tội thì sẽ được lên cánh đồng Yaru, cách mặt đất khoảng 3,7 mét, và sau khi chết thì hài được chôn dưới nấm mộ để tránh sự quấy nhiễu theo hướng dẫn trong Sách Cửa Sự Chết (*Le Livre de la Mort*).

- *Hy Lạp giáo (Religion Grecque)*

Bắt nguồn từ 1500 năm trước Tây lịch, chịu ít nhiều ảnh hưởng của Ai Cập giáo, đã mang tính thần thoại với sự tôn thờ trên hết là thần Zeus, đấng sinh thành của các Thần linh và loài người (từ núi Olympus ở Thessaly), sau đó là Nữ Thần Hera, Nữ hoàng ở Thiên Đàng và các vị Hephaestus, Thần Lửa, Athena, Nữ Thần Trí tuệ, Apollo, Thần Nhiệt quang, Aphrodite, Nữ Thần Tình yêu, Hermes, Thiên sứ sau này là Thần Khoa học..., đặc biệt có sự tôn sùng bí nhiệm ở đền Eleusis cùng các hiện tượng Pythie ở đền Delphes đã có tác dụng mạnh vào quần chúng. Hy Lạp giáo tin vào sự bất diệt của linh hồn cho nên có sự dâng hiến lễ vật nơi các nghĩa trang. Dân chúng sợ uy lực của linh hồn người chết đối với họ nên các tang lễ được cử hành rất long trọng. Tôn giáo này một thời bị nền triết học phong phú của Hy Lạp làm lu mờ nhưng vẫn được duy trì cho đến sau này.

- *Ấn Độ giáo (Hindouisme)*

Phát khai từ thời gian xuất hiện Bà La Môn giáo (*Brahmanisme*) với kinh Vệ Đà (1300 trước Tây lịch) do các hiện tượng Thần Thi (*Rishis*). Tôn giáo này mang tính chất vừa đa thần vừa phiếm thần với sự hiện diện của Thần Brahma, Chúa Tế Vũ Trụ cùng lúc với các Thần khác; nhưng đồng thời cũng nhìn nhận nơi con người có phần chủ động vô hình là *Atman* tức linh hồn, và Vũ Trụ cũng có phần chủ động vô hình là *Brahman*. Đặc biệt Ấn Độ giáo đã xây dựng nền tảng trên một ý niệm về luân hồi và nghiệp báo làm thành trì tín ngưỡng từ xa xưa của dân tộc này, đó là truyền thống vô vũ trụ (*acosmic*) đối nghịch với truyền thống hữu vũ trụ (*cosmic*) của

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Trung Hoa. Đặc biệt hiện tượng *Rishis* cùng ngôn ngữ *Tat Swam Asi* đã biểu thị một chân lý vũ trụ cần biết nơi các tôn giáo.

- *Do Thái giáo* (Judaisme)

Một nền văn hóa đạo giáo phát khởi từ Moise (1200 trước Tây lịch) với sự tín ngưỡng Đấng Chúa Tể độc nhất Jéhovah (tức là Thượng Đế) đã hướng dẫn dân tộc Do Thái đương thời gọi là dân tộc Jew tại giải đất Canaan - nơi được chọn để thờ phượng Ngài, từ đó dựng nên nền tảng giáo điều với 10 điều luật gọi là Pentateuch còn ghi trong phần đầu của năm phần trong kinh Cựu Ước do Đức Jéhovah ban truyền cho Moise tại núi Sinai với lời thông tri của Ngài: "*Ta là Đấng tự hữu hằng hữu*" được dân chúng Do Thái xem như là sự khải thị Chân lý một cách tuyệt đối. Các nhà nghiên cứu còn nhận định rằng bản chất của Do Thái giáo chủ trì niềm hy vọng trong hệ thống cứu thế của đạo Chúa.

- *Linh Vật giáo* (Fétichisme)

Linh vật giáo đã có nơi các dân tộc bán khai trên khắp địa cầu, nổi bật nhất là ở Phi châu, Bắc Á, Úc châu, Mỹ châu. Mặc dù không thông thương với nhau nhưng các dân tộc này có những sắc thái tín ngưỡng được nhiều tính chất ma thuật không khác nhau mấy. Đặc biệt là tại Phi châu, Linh Vật giáo phát triển hơn cả. Cũng có giáo phẩm nam và nữ dưới quyền một Linh Vật chủ (*féticheur*) và các giáo đoàn. Tà thuật, bói toán làm trụ cột cho tín ngưỡng dân gian, dù vậy cũng đã do một động lực tín ngưỡng các đấng Thần linh trong đó cũng có sự hiện diện một Đấng Toàn Năng gọi là Thượng Đế với danh hiệu mỗi nơi mỗi khác, điển hình như các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thờ Ông Vàng. Cũng nhờ sự tín ngưỡng này, các dân tộc bán khai đã có được những tập tục về sự sợ hãi, lòng can đảm trong các cuộc khảo thí và sự tôn kính tổ tiên cùng một đức tin về cuộc sống của linh hồn bên kia thế giới.

Qua những giáo điều của các tôn giáo kể trên, ta nhận thấy xã hội loài người tự nghìn xưa đã tạo nên một trật tự từ gia đình đến quốc gia xã hội, trong đó bốn phận của con người đã được qui định sẵn từ cuộc sống tinh thần đến cuộc sống vật chất không thiếu một yếu tố nào. Cũng nên xác minh rằng các tay lãnh tụ chính trị lỗi lạc thời kỳ này không thể tự mình làm ra đại cuộc xã hội mà thường do yếu tố Thần linh thúc đẩy hoặc trực tiếp trong tâm tư họ (*Vua là con Trời - Thiên tử*) hoặc do các hiện tượng trung gian làm thông ngôn cho tiếng nói Vô hình trực tiếp hướng dẫn nhân loại về mọi sinh hoạt tạo thành cuộc tấn hóa chung như các hiện tượng Vu Nghiễn ở Trung Hoa, Thần Thi ở Ấn Độ và Pythie ở Hy Lạp...

Đông Tân

Có thể tóm lược các điểm chính về sự khai sáng nền văn minh thứ nhất của nhân loại như sau:

- Sự phân định bờ cõi quốc gia cũng như tinh thần dân tộc của từng địa phương nhân loại để bắt đầu vào thời kỳ lịch sử (*do sự xuất hiện các tôn giáo ở mỗi tư phương*).
- Các nề nếp sinh hoạt diễn ra sau đó như:
 - . Sự hiện hữu của Thượng Đế (*Trung Hoa giáo + Ba Tỷ Luân giáo + Do Thái giáo + Ấn Độ giáo + Linh Vật giáo*)
 - . Gia đình: Gia trưởng cũng là giáo trưởng (*Ai Cập giáo + Hy Lạp giáo + Ba Tỷ Luân giáo*)
 - . Quốc gia: Vua là con Trời (*Trung Hoa giáo + Ai Cập giáo + Hy Lạp giáo*)
 - . Sự hiện diện của linh hồn bất tử và sự thưởng phạt ở cõi vô hình (*Ai Cập giáo + Ba Tỷ Luân giáo + Hy Lạp giáo*)
 - . Sự hiện hữu của linh hồn và sự luân hồi chuyển kiếp (*Ba Tỷ Luân giáo + Ấn Độ giáo + Linh Vật giáo*)
 - . Sự thể hiện của khoa Thiên văn và vấn đề thiện ác (*Ba Tỷ Luân giáo*)
 - . Thượng Đế với các dân tộc chậm tiến (*Linh Vật giáo*)

Tình trạng xê dịch bờ cõi ranh giới các quốc gia do sự lấn át về mức độ văn minh của dân tộc này với dân tộc khác tạo thành sự lẫn lộn có tính cách điều hòa những nguồn tín ngưỡng khác nhau để nếu không đi đến chỗ hòa đồng để có sự nối tiếp về sau thì sẽ đi đến chỗ tự diệt. Do đó, sự tiêu diệt của một dân tộc thường kéo theo sự tiêu diệt của nền tôn giáo bản xứ, chỉ có sự khai sáng tư tưởng con người là vẫn tồn tại mà thôi. Cũng chính trên nền tảng của các di tích khai hóa tinh thần đó mà các tôn giáo đã là thành trì cho cuộc sống nhân loại mới còn tồn tại đến ngày nay.

Tóm lại, thời kỳ văn minh thứ nhất đã mang nhân loại từ thời tiền sử sang các giai đoạn lịch sử với những công cuộc cải thiện mức sống của con người từ lúc ăn lông ở lỗ cho đến khi thành hình bộ lạc rồi quốc gia, tất cả đều do sự chi phối của Thần quyền không nhiều thì ít, tuyệt nhiên không hề có sự vắng mặt của Thần linh trong thời kỳ này.

- **Kỷ nguyên văn minh thứ nhì** (từ năm 500 trước Tây lịch đến cuối thế kỷ XX)

Thời kỳ này được đánh dấu bằng sự trỗi dậy của ý thức con người - ta gọi

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

là phần **Nhân** - trước thế lực Thần quyền không còn tính cách hồn nhiên như xưa. Con người đã được minh định trong nếp sống gia đình và quốc gia, tuy có những xô xát nhau trong luật vật cạnh thiên trạch, nhưng tự nơi con người đã có một sự giải tỏa những phần bí nhiệm mà trước đó Thần quyền đã tạo ra qua sự suy diễn của các bàn tay giáo phẩm không còn bám thụ mức sáng tạo như đã có trước. Do đó, ta thấy trong thời kỳ này, con người tự mình đề xướng các giáo thuyết và được tôn xưng là Giáo chủ, cho nên ngoại trừ những tôn giáo pha màu thần thoại thì sự nhân cách hóa vốn đã có sẵn trong giáo điều rồi.

Tính cách thời thượng của thời kỳ này là sự cung ứng nhu cầu cho những tập thể loài người có cùng mức độ tín ngưỡng như nhau, có thể không còn bị ràng buộc bởi ranh giới quốc gia để đi vào lãnh vực rộng rãi hơn của lục địa. Mỗi tôn giáo ở thời kỳ này có sự tiếp nối với các tôn giáo trước một cách rõ rệt cho dù các Giáo chủ có suy diễn giáo lý của mình như thế nào đi nữa. Đó là điều mà lịch sử không thể phủ nhận: Tính cách sáng tạo của nền văn minh nhân loại có tính cách liên tục không thể chối cãi. Ta có thể kể như sau:

- *Lão giáo* (Lão Đam, 604 trước Tây lịch) và *Khổng giáo* (Khổng Khâu, 551 trước Tây lịch)

Đức Khổng Tử với Kinh Dịch từ Phục Hy, đức Lão Tử với Đạo Đức Kinh, hai vị Giáo chủ này đã vạch hai con đường song song cho dân tộc Trung Hoa thực hiện đạo lý hay giáo điều của Nho giáo hay Trung Hoa giáo nơi Chu Văn Vương ngày trước. Cho dù người đời sau quan niệm hai ngài thế nào thì nội dung hai bộ kinh trên cũng cho ta một ý niệm về vũ trụ không khác nhau bao nhiêu (*có khác một đấng dùng nét gạch một đấng dùng con số*) và có tính cách nối tiếp vũ trụ quan và nhân sinh quan của Chu Dịch một cách khá rõ rệt. Đây là sự tiếp nối nguồn đạo học Trung Hoa giáo khi mà khái niệm về Thiên Đế từ Phục Hy đã trở thành sự tín ngưỡng ngôi Thái Cực - tức Đấng Thượng Đế - mà sau khi hình thành bộ Ngũ Kinh, đức Khổng Tử đã mãn nguyện với mình mà nói: "*Thuật nhi bất tác*" để cho hậu thế biết rằng ngài đã thuật lại những gì đã có từ trước.

- *Phật giáo* (Thích Ca, 560 trước Tây lịch)

Dù muốn dù không, đức Thích Ca cũng đã thoát thai từ nếp tu tỉnh của Bà La Môn giáo (*hay Ấn Độ giáo*) nhưng theo một hướng khác, có nghĩa là không còn mang nặng tính chất thần quyền như trước. Ngài đã tự tìm ra lối giải thoát nghiệp chướng cho riêng mình theo đường hướng trung đạo (*không quá hoang dâm cũng không quá ép xác*), chấp nhận luân hồi chuyển kiếp, có kèm theo nghiệp báo với quan điểm riêng không hoàn toàn như ở Bà La Môn giáo. Phải nói rằng sự khác biệt đó do nhu cầu của

Dòng Tân

cuộc sống thời bấy giờ ở Ấn Độ nhằm giải tỏa những gò bó của giáo điều Bà La Môn giáo (*điều mà Ấn Độ giáo đang thực hiện*). Vì thế không thể phủ nhận sự nối tiếp truyền thống Ấn Độ trong Phật giáo được.

- *Cơ Đốc giáo* (Jésus Christ, năm thứ 3 sau Tây lịch)

Chúng ta cũng không thể phủ nhận sự nối tiếp chân truyền Do Thái giáo nơi Cơ Đốc giáo. Ai cũng biết quyển Kinh Thánh gồm hai phần Cựu Ước của Do Thái giáo và Tân Ước của Cơ Đốc giáo, đặc biệt Tân Ước là phần thực hành những gì đã nói tới trong Cựu Ước mà nội dung cả hai đều không ra ngoài mười điều luật Pentateuch mà Đức Jéhovah đã giao cho Moïse tại núi Sinai làm nền cho nếp sống đạo của dòng đạo giáo này. Mặc dù xuất phát từ Á châu nhưng Cơ Đốc giáo đã trở thành di sản tinh thần của xã hội Tây phương, mà ảnh hưởng sâu rộng vẫn còn đến ngày nay, điển hình là chủ trương giáo quyền của triều đại Giáo hoàng Da Tô giáo từ nhiều thế kỷ trước đây đã làm lu mờ đi những hệ phái khác cùng tôn sùng Thiên Chúa như Tin Lành hay Cơ Đốc Phục Lâm. Chủ thuyết chung của giáo hội này là lòng nhân ái.

- *Thần giáo* (Yamato, thế kỷ I sau Tây lịch)

Tôn giáo này tuy đã có nguồn gốc sâu thẳm dọc theo lịch sử dân tộc Phù Tang, nhưng tính chất sáng tạo của nó chỉ được truyền tụng từ thời đại hoàng đế Yamato trở về sau này. Đây là một sắc thái đặc biệt của tôn giáo chỉ thích dụng với nền địa lý của dân tộc Phù Tang trong sự thờ phụng tổ tiên và sùng thượng thiên nhiên nên không được truyền tụng bên ngoài các hải đảo Nhật Bản. Tuy nhiên, tôn chỉ rèn luyện thân tâm tinh khiết với sự tôn thờ danh dự một cách tuyệt đối thì nơi đâu có nền đạo đức chân chính đều không thiếu người như thế.^{2,4} Tinh thần võ sĩ đạo và sự tôn thờ anh hùng liệt nữ thì nơi đâu cũng có, nên dù biệt lập nhưng tính chất nhân bản siêu việt để thành Thần nhân trong cõi vô hình thì trong lịch sử văn hóa nhân loại là một chân lý bất biến.

- *Hồi giáo* (Mahomet, 570 sau Tây lịch)

Việc đức Mahomet, Giáo chủ Hồi giáo tự nhận mình là dòng dõi của Abraham, qua ngã Ismael (*trong khi đức Jésus qua ngã David theo kinh Cựu Ước*) với tư cách một Thiên sứ cho thấy Hồi giáo không ra khỏi hệ thống đạo Chúa mặc dù Đấng Tuyệt Đối duy nhất được xưng tụng là Allah (*vốn là danh xưng Đấng Thiên Chúa theo ngôn ngữ Ả Rập*). Tôn giáo này

2.4 Soạn giả không bàn tới Khương Thái Công với Thần Đạo vì xét thấy không được xác thực lắm cho nền đạo lý chung của toàn nhân loại trên quả địa cầu.

không có hàng chức sắc cùng nghi lễ cúng kính như Cơ Đốc giáo hay Do Thái giáo, nhưng chủ trì một đức tin trọn đời để cầu mong linh hồn được trở về với Đấng Allah vào ngày lia đời, hay ngày tận thế mà ngài đã cho biết. Tuy nhiên, khi ngài Mahomet tiếp nhận điển linh từ Thánh Gabriel để thành hình kinh Coran thì ngài đang là một quân nhân chỉ huy trận mạc, đồng thời cũng một người có nhiều vợ (24 bà) nên không khỏi bị phần nhân điển phạm hóa phần nào mà di hại đến tín ngưỡng về sau không tránh khỏi nạn cực đoan cuồng tín.

- *Pythagore giáo* (Pythagore - 570 trước Tây lịch)

Theo lịch trình cơ cấu độ của Đức Thượng Đế đương thời đối với các sắc dân miền Tây Á, thiết tưởng nhân loại không thể quên đi một tôn giáo đã có ảnh hưởng nhiều trong cuộc sống dù nay đã sớm bị quên lãng. Đó là Pythagore giáo. Đây là một tôn giáo mang tính thần bí dù đượm mùi toán học của Pythagore. Tiếp nối truyền thuyết Hy Lạp giáo với sự tôn thờ Thần Nhiệt quang Apollo, tôn giáo này chủ trương chay lạc và qui giới một cách gắt gao. Đạo môn của tôn giáo có ghi mấy chữ **Eskate Béheloi** có nghĩa là "*Tục Tử! Xin người hãy lui gót!*" đã chứng tỏ một đạo giáo nghiêm minh mà chỉ có người vượt qua được những khảo hạch mới thụ giáo được. Chủ thuyết của Pythagore giáo là *muốn có một tâm hồn trong sáng và thanh cao phải cần có một thân thể trong sạch và cường tráng để nương tựa*. Còn về đạo pháp thì Pythagore giáo chịu ảnh hưởng của Ai Cập giáo qua Hy Lạp giáo với việc tuyển chọn môn đồ bằng những thử thách về sức chịu đựng dẻo dai và tâm hiểu biết về nhân sinh quan cũng như vũ trụ quan theo đương thời. Pythagore giáo là một tôn giáo khắc kỷ, chủ trì sự giải thoát linh hồn con người cho khỏi kiếp luân hồi bằng cách tạo thành những Thánh triết trong nhiệm vụ cứu đời.

Qua những giáo điều của các tôn giáo kể trên, ta thấy rõ sự tiếp nối chân truyền cần phải có nơi các tôn giáo cùng một tư phương lãnh thổ mà ra. Tuy nhiên, ta vẫn thấy sự xuất hiện các thế lực nhân tính thay cho Thần quyền ngày xưa mặc dù các Giáo chủ ấy thường được người đời sau thần thánh hóa không khác tính chất Thần quyền ngày xưa bao nhiêu.

Dù thế nào thì ta cũng thấy các tôn giáo ở thời kỳ này đã không sáng tạo gì hơn trước ngoài việc chỉ bổ túc cho những nhu cầu có tính cách thời thượng, đặc biệt là sự mở rộng nền tảng xây dựng ra khỏi phạm vi lãnh thổ quốc gia mà đi vào phạm vi lục địa.

Tính chất sáng tạo của nền văn minh thứ hai này có thể nhận diện qua các đường hướng sau đây:

Đông Tân

- Nếp sống quốc gia (*tinh thần dân tộc của các tôn giáo*)
- Nếp sống cá nhân và gia đình:
 - Vô vi vô bất vi (*Lão giáo*)
 - Từ bi bác ái (*Phật giáo*)
 - Nhân ái công bình (*Cơ Đốc giáo*)
 - Trung hiếu tiết nghĩa (*Khổng giáo*)
 - Tín thành huynh đệ (*Hồi giáo*)
 - Thanh khiết đồng mãnh (*Thần giáo - Pythagore giáo*).

Nói tóm lại, thời kỳ văn minh thứ nhì của nhân loại đã đem các dân tộc lại gần nhau tuy rằng có những đặc thù không xóa bỏ được. Tuy nhiên, một chu kỳ 2500 đã hai lần trôi qua làm lu mờ những sắc thái đạo đức kia đi, khiến cho nhân loại ngày nay cơ hồ như đang đi vào một cảnh chợ chiều trong đó đủ món hàng, đủ kiểu cách, nhưng đã bị hoen ố theo thời gian không còn tính chất hồn nhiên nguyên thủy như thời xa xưa nữa.

Lẽ cố nhiên, từ bờ cõi quốc gia mở sang ranh giới lục địa thì có ngày ranh giới lục địa kia cũng sẽ mở toang ra nhường chân cho một tư thế chung của địa cầu. Đó là khai mào cho một nền văn minh thứ ba mà ta sẽ đề cập sau đây.

- **Kỷ nguyên văn minh thứ ba** (từ năm 1924 trải dài đến 2500 năm sau)

Trên đây là những gì nhân loại đã lãnh hội được từ các tôn giáo trên thế giới mới duy trì cuộc sống đến ngày nay. Tinh thần văn minh nhân bản này phải nói là do một Tiềm Lực sẵn có trong cõi Vô hình đã thúc đẩy hai thời kỳ văn minh đi vào lịch sử nhân loại, cho dù thế lực vô hình ấy đã có nơi Thần quyền thời văn minh thứ nhất hay nơi một Nhân thân Giáo chủ thời văn minh thứ hai thì cái Tiềm Lực ấy vẫn còn tồn tại đến ngày nay để khơi động lại một thời kỳ tiếp nối làm nền văn minh thứ ba. Cho nên, trong thời kỳ này, hai yếu tố **Thiên** và **Nhân** sẽ phối hợp lại (*gọi là **Thiên Nhân Hiệp Nhất***) để cảnh tỉnh con người qua hai thời kỳ trước còn đến ngày nay với những tiềm năng sáng tạo đã có từ trước.

Tuy nhiên, với con người ngày nay thì hai tiếng văn minh thường chỉ hàm ý những phương tiện vật chất mỗi ngày một tân tiến hơn lên, kể cả việc đi vào không gian cũng bằng những phương tiện vật chất, chứ còn tinh thần thì không đáng kể vào đâu. Đó là sự sai lầm rất lớn của loài người hiện nay mà trong các tác phẩm triết học, tôi gọi đó là sự sai lầm triết học.^{2.5} Nếu loài người không ý thức được điều này thì cũng khó mà đưa nhân loại đến thời kỳ văn minh thứ ba bởi cái quan niệm văn minh vật chất kia đã chôn chặt con người trong nấm mồ tự diệt

2.5 Xin xem sách Bản Thể Luận cùng tác giả.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

một khi cuồng vọng sẽ đến với những tay có thế lực bá chủ hoàn cầu.

Tuy nhiên, Đấng Chúa Tể Vũ Trụ không thể làm ngơ để loài người tự hủy diệt bao nhiêu công trình sáng tạo trên nấc thang tiến hóa chung của Con người đi vào Vũ Trụ, nên những phương lược mỗi thời kỳ mỗi khác để duy trì nếp sinh hoạt tiến hóa chung của nhân loại.

Bởi những lý lẽ đó, một thời kỳ văn minh thứ ba phải đến. Thời kỳ này đã bắt đầu từ 1924 với lời khải thị của đức Ngô Minh Chiêu để tiếp tục hai lần chuyển biến nữa và có thể kéo dài một chu kỳ 2500 năm để chấm dứt ba nguyên xây dựng của Càn Khôn Vũ Trụ. Cho nên, người tín hữu Cao Đài nhận biết qua sự bố hóa của Vô hình đã có nơi họ cũng như các Thánh ngôn thời sơ khai (*từ 1925 đến 1940 đã dẫn chứng trong bộ Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - toàn tập ba quyển*) rằng:

- Sẽ đến một thời kỳ mà Con Người biết rõ được căn nguyên của mình là một Nhân Thân Tiểu Thiên Địa vốn đã là nền tảng Đạo học Đông phương từ nghìn xưa để truy hoàn lại và làm sáng tỏ căn nguyên ấy một cách cụ thể, phát huy được một nền đạo lý mới trong đó con người giải thoát được mọi sự ràng buộc chung quanh cả về mặt vật chất lẫn át và mặt tinh thần căn cội để tạo nên một nếp sống có giá trị chân xác của một địa vị nhân thân có sứ mạng trong cuộc tiến hóa chung của Vũ Trụ. Trong tinh thần đó, mọi giáo điều kinh điển xưa một khi đã không còn thích nghi cho nhu cầu tấn hóa của nhân loại đều bị lãng quên dù rằng những giáo lý ấy có được một số người tin theo và có tác dụng trong thời gian qua.

- Sẽ đến một thời kỳ mà tất cả những tệ trạng chung của xã hội không còn: nạn kỳ thị, nạn thực dân, nạn người bóc lột người, nạn giả dối tự kiêu, thành kiến ma giáo tà mị, cục đơan cuồng tín... đều bị nhân loại khai trừ bởi cuộc sống của quả đất này với mức độ văn minh tân tiến chỉ thiên về vật chất ngày nay thì không thể tồn tại lâu dài do tính chất nứt thời hư hoại của nó, cả đến bản thân con người dù có danh vọng sang giàu đến đâu đi nữa khi hai tay buông xuôi cũng không còn giữ lại được gì. Vì thế con người cần phải có sự khám phá nội tại nơi mình để biết được tường tận phần Tâm Linh sáng tạo sẵn có nơi con người thì mới có được một nền văn minh thật sự vĩnh cửu bởi những gì mà nhân loại đam mê ngày nay theo cá nhân hay tập thể phàm phu sẽ không có giá trị gì cho mai hậu.

- Sẽ đến một thời kỳ chấm dứt chu trình tấn hóa chung trong nguyên lý *chung nhi phục thi* mà con người cảm nhận được rằng cuộc sống đầy những câu như vật chất với mọi thành kiến cố hữu không thỏa mãn cho một kỳ vọng cao xa và không hợp với cuộc sống chung của Con Người giữa Vũ Trụ, một vũ trụ không còn mù mịt như từ xưa mà đang mở toang cửa ngõ để Con Người đi vào

Đông Tân

nếp sinh hoạt chung, trong đó sự hiện hữu của những nhân thân đức trọng tài cao nhưng khép mình ẩn dật, tiêu biểu cho thời Thượng nguyên Thánh đức thị hiện cảnh đại đồng với thành tích *gia vô bế hộ, lộ bất thập di* còn truyền trong sử sách khiến cho Con Người phải thấy rằng mình không còn là sản phẩm của một thành trì tôn giáo, đảng phái hay bị ràng buộc trong bờ cõi quốc gia mà phải tự xem mình như một hiện hữu cần thiết cho công cuộc tiến hóa chung giữa Vũ Trụ, trong đó cả Càn Khôn thế giới có thể xem như một nhà, mà Thượng Đế vừa là Cha vừa là Thầy đang hướng dẫn cuộc sống của muôn loài vạn vật trong cuộc tiến hóa chung vốn có từ buổi khai nguyên đến bao giờ.

Do đó, người tín hữu Cao Đài có thể đưa ra một nhận định theo lời Thánh ngôn trước đây:

- Nhứt Kỳ Phổ Độ chỉ kỷ nguyên văn minh thứ nhứt,
- Nhị Kỳ Phổ Độ chỉ kỷ nguyên văn minh thứ nhì, và
- Tam Kỳ Phổ Độ chỉ kỷ nguyên văn minh thứ ba bắt đầu từ năm 1924 với nền tảng được khai mào từ Đức Chúa Tể Vũ Trụ qua người lãnh hội đầu tiên là đức Ngô Minh Chiêu. Thời kỳ này bắt đầu từ thời Thiên Hoàng, đến thời Địa Hoàng rồi Nhơn Hoàng mà di tích xây dựng còn được ghi trong tác phẩm này qua bức thư ngày 27/5/1927 đức Ngô gửi toàn đạo trang 138.

Nói tổng lại, mô tả cuộc sống của nhân loại ở thời kỳ văn minh thứ ba như thế nào thì vẫn còn quá sớm, nhưng cứ nhìn vào thực trạng xã hội ngày nay, nếu nhân loại được hưởng hồng ân thoát cơ tự diệt thì sẽ có cơ hội tiến tới một thời kỳ trang trọng hơn những thời kỳ trước. Đó là kỳ vọng chung của cả loài người, nhưng trước hết ta hãy nhìn vào thực trạng ngày nay.

2.2 YẾU TỐ KHÔNG GIAN

Tình trạng Nhân Tâm Thế Đạo hay

Thời cuộc Quốc Gia Quốc Tế

Cao Đài giáo xuất hiện tại nước Việt Nam, không phải là chuyện ngẫu nhiên mà là tiền định. Có một căn nguyên sâu rộng mà ta không thể hiểu thấu, nhưng ta cũng có thể giải nghĩa sơ lược dựa vào sự xuất hiện của những tôn giáo trước: Phật giáo xuất hiện trong một hoàn cảnh quốc gia bị phân chia vì chủng tộc giai cấp, Nho giáo xuất hiện trong một hoàn cảnh xã hội loạn lạc suy vong, Da Tô giáo xuất hiện trong một hoàn cảnh lãnh thổ bị trị.

Ngày nay, Cao Đài giáo cũng đã xuất hiện giữa hoàn cảnh quốc gia quốc tế không ra ngoài những thực trạng đó.

□ Tình trạng Quốc gia Việt Nam

Thật vậy, khi khảo sát về dân tộc Việt Nam, ai cũng nhận thấy rằng:

- **Dân tộc Việt Nam, với truyền thuyết con Rồng cháu Tiên, là dân tộc tin tưởng vào Thần Thánh và phát huy lý tưởng Thiên Nhân Hiệp Nhất.**

Cái gốc tích con Rồng cháu Tiên tuy bị lý trí khoa học phủ nhận, nhưng phần tâm linh có thể giải nghĩa ít nhiều địa vị dân tộc Việt Nam từ xưa nay, dù không sản xuất những hiền nhân thông thái, thi sĩ lỗi lạc nhưng đã có một lịch sử oai hùng trong một ý chí bất khuất, nhờ đó mà mọi cuộc xâm lăng đều bị đẩy lui. Mỗi lần nguy biến, dân tộc Việt Nam thường tin vào sức cứu giúp của Trời trong một Thiên lý cố định. Tinh thần binh sĩ Việt Nam phấn khởi và chiến thắng quân Tống khi cảm xúc trước bài thơ của danh tướng Lý Thường Kiệt đã chứng minh điều đó.^{2,6}

- **Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có khả năng dung hợp các tôn giáo từ xưa nay.**

Khảo sát địa hình mặt đất, ta thấy nước Việt Nam nằm ngay giữa hai cực đoan của thế giới: phía Tây là dãy núi Hy Mã Lạp Sơn cao nhất thế giới (8800 thước), phía Đông là biển Thái Bình Dương sâu nhất thế giới (hố gần đảo Mindanao Phi Luật Lân sâu 10973 thước). Chính nhờ cái vị trí làm quân bình hai cực đoan này mà nước Việt Nam đã đóng một vai trò dung hợp những lý thuyết từ ngoại quốc du nhập vào, kể cả các tôn giáo như Phật giáo từ Ấn Độ, Nho, Lão từ Trung Hoa. Lịch sử nước Việt Nam thời Lý, Trần cho thấy rằng khi khả năng dung hợp các tôn giáo được phồn thịnh thì có thể kiến tạo một bờ cõi hùng cường qua tinh thần *Tam Giáo đồng nguyên* thời bấy giờ. Nhưng nếu khả năng này suy giảm thì sự kiến tạo cũng do đó mà suy giảm phần hiệu quả trong tinh thần xây dựng quốc gia.

Căn bản giáo lý của Cao Đài giáo là *Thiên Nhân Hiệp Nhất* và *Vạn Giáo Nhất Lý* chính là phần khai triển tư tưởng truyền thống của dân tộc Việt Nam.

2.6 Bài thơ của Lý Thường Kiệt như sau:

*"Nam quốc sơn hà Nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại Thiên thư,
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khang thủ bại hư!"*

Ý nói: Giang sơn nước Việt do vua Nam ở. Trên Thiên thư đã định phận mệnh như vậy rồi. Vậy mà bọn nghịch xâm lăng dám đến xâm phạm, bọn mày cãi mệnh Trời sẽ thảm bại.

Đông Tân

- **Dân tộc Việt Nam trong hoàn cảnh bị trị, suy nhược**

Cùng chung số phận với đa số nhân loại lúc bấy giờ, dân tộc Việt Nam đang chịu mọi nhục hình trong gông cùm bị trị. Thế giới càng được khai thông thì chủ nghĩa đế quốc càng ngày càng bành trướng. Phần lớn các quốc gia trên thế giới trong tình trạng chậm tiến phải chịu sự khống chế của các cường quốc. Người dân Việt gần một thế kỷ đã sống cảnh nhục nhã đến tận cùng. Mặc dù đất nước này đã là nơi gặp gỡ giữa các tôn giáo (*Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo từ nghìn xưa và Da Tô giáo dưới thời Pháp thuộc*) nhưng các tôn giáo đã không đóng góp được một sự cứu vãn nào, dù nhỏ mọn đến đâu, trong việc cảnh tỉnh tinh thần dân tộc thoát những tẻ đoan xã hội đương thời mà ngược lại, chính do sự suy nhược của các tôn giáo, những tẻ đoan xã hội càng tăng thêm.

Do sự suy nhược của một quốc gia mà bài thuốc của các tôn giáo từ trước đã đem lại sự cứu vãn chung trong tinh thần đồng nguyên Tam giáo, nhưng trước tình thế bấy giờ, khi mà sự cứu vãn của hầu hết các tôn giáo lớn không gây được một ảnh hưởng nào có tính cách cảnh tỉnh con người, Cao Đài giáo đã phải ra đời hầu mong đem lại sự thức tỉnh chung trong tinh thần cố hữu của sự dung hợp tôn giáo với sứ mệnh đã có từ nghìn xưa.

Vì những tính cách thích ứng trên mà Cao Đài giáo đã được khai sinh trên mảnh đất nhỏ bé này để rồi phải nhận lãnh một sứ mệnh cứu đời bao quát hơn vì hoàn cảnh nhân loại đòi hỏi đến.

□ **Tình trạng thế giới**

Muốn biết sự đòi hỏi của cả thế giới trong một tình trạng chung cần được cứu vãn như thế nào, ta phải tìm hiểu hoàn cảnh quốc tế trong lúc này vì đó là điều kiện thiết yếu đã làm nảy sinh Cao Đài giáo.

Những tẻ đoan cần được cứu chữa ấy là gì?

- **Thế giới ngày nay văn minh nhưng sa đọa**

Xét lịch sử thế giới, ta thấy rằng từ sau thế kỷ XVIII, nhân loại đã bước một bước khá dài trong sự tiến triển nền văn minh khoa học vật chất. Từ ấy đến nay không quá một thế kỷ, mà thế giới dường như khoác một bộ mặt khác ngày trước. Thời gian từ chiếc văng cán đến chiếc đầu máy xe lửa thì lâu, nhưng từ máy hơi nước đến máy bay, hỏa tiễn lại không xa mấy. Có thể nói với thời đại văn minh cơ khí này, nhân loại đã lãng quên cả một quá khứ dài dằng dặc ngày trước để chỉ biết có hiện tại với những quyền rũ quanh mình.

Những ý tưởng thiên nhiên tạo vật hình như không còn giá trị mấy với cái

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

lý trí khoa học của con người. Cái văn minh cơ khí càng ngày càng làm cho cuộc sống con người trở nên nguy hiểm. Tất cả những phần tâm linh, cột trụ của Chân lý Vũ trụ trường cửu dường như không còn nữa vì ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tinh thần đang trĩu nặng trên khối nhân loại. Bất cứ trong phạm vi hoạt động văn hóa nào, người ta cũng nhận thấy hai tư tưởng thiên nhiên và nhân tạo đi ngược chiều; trào lưu *bỏ cũ theo mới* lan tràn khắp các lãnh thổ ảnh hưởng tai hại không ít đến nền tảng văn hóa cổ truyền đang bị lung lay.

Cuộc sống nhân loại đã phát triển rộng rãi hơn ngày trước. Toàn thể nhân loại có thể xem như một đại gia đình mà những nỗi vui khổ hình như cũng đã được san sẻ với nhau cả về mặt tinh thần lẫn vật chất. Khi bờ cõi quốc gia đã tự khai mở để tiếp đón mọi kỳ vọng chung trong toàn khối nhân loại thì ranh giới tôn giáo lại hình như được củng cố duy trì, để trở thành những thế lực chống đối nhau.

Nếu tôn giáo là phần sống tâm linh của nhân loại không được dung hợp với nhau để thích ứng với đời sống vật chất thì thật là một nguy cơ làm mất thăng bằng trong xã hội loài người: nguy cơ ấy hiện nay ta đã thấy.

- Thế giới điên loạn

Chiến tranh chủ nghĩa

Trong mọi nguy cơ của thế giới hiện thời, đáng kể nhất là chiến tranh. Trận chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914-1918) đã tàn sát không biết bao nhiêu sinh mạng vô tội. Chỉ trong bốn năm chinh chiến, bộ mặt thế giới đã thay đổi nhiều hơn cả mấy nghìn năm trước. Đây là do chủ nghĩa quân phiệt từ Âu châu mà ra.

Trận đại chiến này đã có một đặc tính mới mẻ của thế kỷ XX ở những khủng hoảng ác liệt của nó. Tất cả những qui tắc luật lệ của con người đều bị vi phạm. Trong những cuộc chiến tranh thảm khốc, người ta thấy những thương binh không được cấp cứu, nằm rên rỉ đêm ngày, có những xác chết không hề được chôn! Cả những bất động sản, những công trình nghệ thuật, tôn giáo đều bị phá hủy. Từ khẩu súng bắn xa vài cây số đến những cỗ đại bác có tầm hoạt động 130 cây số, trận đại chiến đã ghi nhận những tiến bộ lớn lao của khoa học và kỹ thuật. Cũng trong cuộc chiến này, những liều hơi ngạt hơi độc giết người, những chiến đấu cơ bắt đầu xuất hiện.

Kết quả là một cuộc khủng hoảng chung cho nhân loại về mọi mặt: kinh tế, chính trị và xã hội. Trạng thái mất thăng bằng này không thể nín kéo lại được dù các nhà lãnh tụ có cố công đến đâu.

Đồng Tân

Về kinh tế, nạn khủng hoảng thiếu làm nghèo đói nhân dân các nước trong tình trạng chiến tranh; nạn khủng hoảng thừa làm hư hại nền kinh tế những nước ngoài vòng kiểm tỏa như khủng hoảng thừa ở Hoa Kỳ năm 1929. Nạn khủng hoảng này lan tràn sang Âu châu làm cho số người thất nghiệp ngày càng đông (trên 30 triệu người).

Về xã hội, thành phần giai cấp được thay đổi: giai cấp mới được thay vào giai cấp cũ, mặc dù đời sống thợ thuyền được nâng cao ít nhiều (*luật ngày làm 8 giờ được áp dụng trên hầu hết các quốc gia và đời sống nữ công nhân được bảo đảm hơn chút ít*). Về chính trị thay đổi nhiều nhất là ở Nga với cách mạng vô sản năm 1917. Trên cục diện thế giới, một số lớn triều đại quân chủ không còn, chế độ dân chủ bành trướng mạnh. Nhưng người ta lại thấy chế độ chuyên chế được nảy nở dưới một hình thức khoa học hơn sau thế chiến thứ nhất. Tiếp đến, thế chiến thứ hai xảy ra do chủ nghĩa phát-xít Đức kéo dài từ 1939 đến 1945 trong một tình trạng thảm khốc bi đát sâu rộng hơn. Các nước thắng trận sau thế chiến thứ hai (*Pháp, Anh, Mỹ*) theo sự đề nghị của Tổng thống Mỹ Wilson đồng tâm xây dựng một *Qui điều các dân tộc tự quyết (Le Droit des peuples à disposer librement d'eux-mêmes)*. Do đó, Hội Vạn Quốc (*Société des Nations*) được thành hình từ sau trận thế chiến này với mục đích bảo vệ hòa bình thế giới. Nhưng quyền lợi của mỗi quốc gia lại làm cho các cường quốc bất hòa, đồng thời do cùng một lúc phải đương đầu với cuộc cách mạng Nga vì tính cách tam vô đã man quá khích của cuộc cách mạng này, nên thế lực của một tổ chức hòa bình như Hội Vạn Quốc thật mong manh. Trong tình trạng đó, cả Âu châu, hay rộng hơn là toàn thế giới đã bày ra một cảnh hỗn độn chông chênh ngày càng trở nên nguy hại cho công cuộc hòa bình thế giới.

Và nạn chủ nghĩa phát-xít mang bộ mặt xã hội chủ nghĩa tự xưng là cuộc cách mạng bolchevik Nga tháng 10 năm 1917 dưới chiêu bài đệ tam quốc tế văn minh tiến bộ, nhưng thực chất lại mang tính sắt máu thú cầm. Các tay lãnh chúa Lénine, Staline, Mao Trạch Đông, đã bày trò xã hội chủ nghĩa xâm chiếm Việt Nam gây tang tóc cho hàng triệu dân vô tội bằng cách bí mật thủ tiêu những người bị chúng liệt vào hạng phản động ở khắp nước. Riêng tại Quảng Ngãi, vụ thảm sát hàng vạn tín đồ Cao Đài các chi phái hồi tháng 8 năm Ất Dậu 1945 được các tên cán bộ cộng sản Ba-tơ thi hành do lệnh từ Hà Nội qua một mảnh giấy với bốn chữ '*Cao Đài tận sát*' như đã được đề cập trong quyển III.^{2.7} Đó là cơn đại khảo mà Cao Đài giáo không tránh khỏi như lời Thánh ngôn năm 1934 đã cho biết trước:

"Ất con còn mắc phải tai nạn..." (*Ất nghĩa là Ất Dậu*)

2.7 Muốn biết rõ chi tiết xin xem *Lịch sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Quyển III - Phần Phổ Độ 2*.

Chiến tranh tôn giáo

Vấn đề tôn giáo là một vấn nạn cho nhân loại từ nghìn xưa mặc dù nó đã là một thực tại cần thiết cho cuộc sống thế nhân vào thời Thượng Cổ, từ đó còn danh từ *homo religious* (con người tôn giáo) trong tác phẩm sử học nhân loại. Cũng từ đó mà có các kỷ nguyên tôn giáo qui định những nền văn minh nhân loại từ 5000 năm qua như đã có trong lịch sử tấn hóa con người từ phạm vi bộ lạc đến quốc gia rồi quốc tế như ngày nay để rồi vấn đề tôn giáo cứu đời trở thành trò chiến tranh mà thế giới là một trường đấu tranh không biết đến bao giờ mới chấm dứt?!

Lý do là con người, vốn là một sản phẩm của tín ngưỡng, lại bị phạm hóa bản năng chất phát, nguồn cội phát huy đạo lý muôn đời để chạy theo những quyến rũ nhút nhời, trong đó tôn giáo đi đầu bằng những huyền thoại đầy hấp dẫn cho một địa phương mà đem suy diễn ra cùng mọi nơi nên dần dần biến thành những màn diễn xuất đầy kịch tính. Điều này đã được thể hiện rõ trong lịch sử nhân loại mà người nào còn lương tâm đều biết đó là do sự cuồng tín giáo điều mà ra. Một Do Thái giáo - với nguyên lý đức tin từ việc đức Moise diện kiến Đức Yahvé qua một cụ già trên núi Sinai, hay một Cơ Đốc giáo - với cậu bé Jésus do hai ông bà Joseph và Maria nhận việc khai dân số ở Bethléhem sinh ra từ một máng cỏ, sau này làm nghề thợ mộc sinh nhai dưới thời đế quốc La Mã để phải chịu cực hình của đế quốc này mà trở thành Thánh Chúa chuộc tội loài người bằng hình thập tự - có được mọi người tin theo đó không? Ấy thế mà khi Tòa Thánh Vatican tạo thành một đế quốc đã cho phép Giáo hoàng với cương vị Thánh Cha ngự trị trên toàn nhân loại cả xác lẫn hồn trong khi ông ta cũng thân phạm xác tục, không thấu hiểu đức háo sanh của Thượng Đế - không biết chạy lạc là gì - thì làm sao thực hiện được lòng nhân ái để cứu đời? Ấy thế mà trải qua hàng thế kỷ, dưới quyền Giáo hoàng đã có đủ loại tước phẩm thánh vị uy quyền, cả hàng vua chúa cũng phải được Giáo hoàng đặt vương miện, cho đến thời vua Napoléon của Pháp (1769-1821) không chấp nhận cái trò này mới bị dẹp bỏ sau đó không lâu.

Một vấn nạn tôn giáo mang tính thời thượng quốc tế cần nêu ra đây là sự độc tôn Kinh Thánh của Giáo hội Vatican. Các tác giả quyển Kinh Thánh đã dựa vào thuyết của Ptolemy (100 - 30 trước Tây lịch), người triết gia chủ trì thuyết mặt đất phẳng và là trung tâm của vũ trụ, đứng yên trong khi mặt trời và mặt trăng quay chung quanh. Chính sự tin tưởng vào Kinh Thánh này khiến mười vị Hồng y thời Giáo hoàng Urbian VIII đã mở phiên tòa (1633) kết tội nhà thiên văn người Ý Galileo Galilei (1564-1642) vì ông này đã phổ biến công trình khoa học của nhà bác học Hòa Lan Copernic (1473-1543), trong đó xác minh quả đất tròn và cùng mặt trăng là những hành tinh quay chung quanh mặt trời (định tinh của thái dương hệ). Vụ án kết thúc với mười năm quản thúc

Đông Tân

Galileo nhưng khi ông này vừa ra khỏi tòa liền nện bàn chân xuống đất và lên tiếng: “*Nhưng mà trái đất quay thì nó vẫn quay*”.

Cùng giòng đạo Chúa về sau là Thiên sứ Mahomet với tôn chỉ về tình huynh đệ, nhưng khi ông được Thánh Gabriel khải thị tạo kinh Coran với thiên điển từ Đấng Allah tự xưng là Đấng Tối Cao trong khi ông đang là tướng quân của các bộ lạc miền Trung Á, lại có đến 24 bà vợ thì làm sao tiếp được thiên điển. Thế nên kinh Coran kia làm sao tránh khỏi phân nhân điển tự kỷ chủ quan thường đến với người đồng tử. Ấy thế mà bọn khủng bố Hồi giáo ngày nay có ý đồ sát hại tất cả kẻ thù mà chúng cho rằng đã chống lại kinh Coran dù kinh này chỉ có giá trị trong thời bộ lạc không thích hợp với nền văn minh theo trào lưu tiến hóa của nhân loại, cho dù đó là nền văn minh thiên về vật chất như hiện nay.

Lại nữa, trong khi các *trận giặc trăm năm* từ thế kỷ X-XI giữa những giòng đạo Chúa chỉ vì một Thánh địa Jerusalem đã tàn phá khắp Âu châu nay vẫn còn hệ lụy đến vùng Trung Đông thì ngày nay, cả năm châu bốn biển đều giao động bởi sự cuồng tín cực đoan của bọn khủng bố Hồi giáo chỉ vì sự độc tôn đấng Allah và kinh Coran kia. Đại họa này biết đến bao giờ mới chấm dứt?

Cái ngày tận thế sẽ đến mà không cựu giáo nào không nói tới chính là sự thụ nhận tính bất lực của các cựu giáo nên cần phải có một nguồn giáo thuyết mới xây dựng trên nền tảng thực tại làm sống dậy tinh thần *Vạn Giáo Nhất Lý* và *Đông qui nhi thù đồ* mới mong dập tắt được những tệ nạn cực đoan cuồng tín mà các loại môn đồ hữu thần cũng như vô thần đang chủ quan hiện nay.

Chiến tranh giai cấp

Tháng 10 năm 1917, cách mạng vô sản Nga thành hình tạo nên một thứ chiến tranh mới được manh nha từ bấy giờ, đó là chiến tranh giai cấp. Những sự dã man tàn bạo bắt nguồn từ đó do ý thức hệ tam vô (*vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo*) và biện chứng pháp duy vật phiến diện của Karl Marx (*người Đức bị trục xuất, đương thời lưu vong tại Anh*) do Lénine cầm đầu. Cái gọi là cuộc cách mạng vô sản này đã đặt kinh tế lên trên giá trị nhân bản, bày ra đủ loại giai cấp, đặt vô sản chính chuyên làm đầu và tìm đủ cách triệt tiêu mọi thành phần xã hội với tài sản sẵn có mà họ gọi chung là tư sản để liệt vào hàng tư bản phản động. Vì thế chủ nghĩa cộng sản đến đâu thì những trò đầu tổ giết hại thành phần trí thức hàng sản đã diễn ra khắp nơi trên thế giới mà lịch sử thế kỷ XX đã cho thấy rõ. Đó là một thứ tôn giáo vô thần với các kinh điển đầy sắt máu tiêu diệt cả mọi truyền thống văn hóa đạo đức tốt đẹp cố hữu. Các tổ chức mệnh danh là cách mạng quốc tế do tập đoàn lãnh tụ đỏ cầm đầu dưới chiêu bài huynh đệ đại đồng đã tạo nên một xã hội độc tài phi luân bại lý tưởng không hình thức nào man trá khủng khiếp hơn. Đến đây, con người đã mất hết giá trị căn bản cần thiết cố hữu.

Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Chủ nghĩa tam vô đã gây ảnh hưởng tai hại trên toàn thế giới vì tự nó đã đánh mất cái giá trị nhân bản khi không cần biết có gia đình, phủ nhận ân nghĩa Tiên nhân Tổ quốc và không có mức tín ngưỡng cần cho sự sống tâm linh. Dù tồn tại không lâu theo qui luật nhân bản *Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong* nhưng chủ nghĩa tam vô gây tai hại cho mọi cơ cấu dân chủ đạo đức truyền thống của mọi quốc gia. Những người theo chủ nghĩa này luôn chủ quan cho mình mới là văn minh tiến bộ chẳng khác gì nạn cực đoan cực giáo kia. Vì thế, cơ tận diệt hầu kè. Loài người đang ngồi trên đầu sồi lửa bỏng, bảo sao không cần phải có một sự nối tiếp tôn giáo linh động hơn để giác ngộ quần chúng và cứu rỗi sanh linh đương thời Hạ nguyên mặt pháp này?!

Nói tổng lại, với tư cách một người nghiên cứu về triết học và tôn giáo nay đã vào bát tuần, tác giả đã phân tích khung cảnh xã hội nhiều nhượng trong lòng thế kỷ XX vì lẽ muốn cứu đời thì phải hiểu căn bệnh của đời. Thật sự tác giả không quan ngại một phản ứng nào đối với mình khi thiên hạ chỉ biết có tập thể mình là đúng, ngoài ra đều sai. Đó là căn bệnh thời đại xuất phát từ sự sai lầm triết học mà đã từng được tác giả nêu ra trước đây.^{2.8} Tình trạng sa đọa của nhân tâm thế đạo ngày nay không phải do một cá nhân, một dân tộc, một quốc gia nào mà phải nói đó là trách nhiệm của tất cả các tổ chức tôn giáo, chính trị, triết học, khoa học hay văn chương đã có từ nghìn xưa đến nay. Tất cả phải tự xét mình thì mới mong phục hồi tư thế Nhân Thân Tiểu Thiên Địa có sứ mạng cảm thông trong Tiềm Lực Thiên Nhiên cuộc sống bất diệt của Vũ trụ.^{2.9} Chỉ khi đó nền đại đồng hòa bình chân chính mà cảnh năm châu chung chợ bốn biển chung nhà mới thể hiện được.

2.3 YẾU TỐ THIÊN MỆNH

Cao Đài giáo với sứ mạng cứu đời trong sự lãnh hội đầu tiên của đức Ngô Minh Chiêu

Trong một hoàn cảnh lâm than như thế, nạn thực dân độc địa, nạn chiến tranh tàn khốc, nạn cộng sản đang manh nha những ý tưởng đảo ngược luân thường, các tôn giáo hiện tại đành chịu bất lực, chỉ đứng ngoài mà nhìn vào. Trên bình diện chính trị quốc tế, những nỗ lực xây dựng của các tay lãnh tụ ưu thời mẫn thế lại không đi đến đâu (*Hội Vạn Quốc của Wilson*) khi tổ chức Liên Hiệp Quốc từ năm 1949 đến nay chỉ còn là lá bài phục vụ cho quyền lợi các cường quốc với quyền phủ quyết độc đoán vô đạo trong tay của họ. Xã hội thì văn minh mà thế giới thì điên loạn, thử hỏi không có một hình thức cứu rỗi ra đời

2.8 Xin xem sách **Bản Thể Luận**, xuất bản tháng ba 1975 tại Saigon, tái bản 1999 tại Úc đại lợi, ấn bản điện tử 1999 trên trang mạng www.caodai.org.au.

2.9 Lời khải thị của Vô Hình cho tác giả năm 1960 tại Saigon.

Đông Tân

để thích ứng với thời đại hiện tại có được không?

Do đó, Cao Đài giáo xuất hiện.

Để trả lời cho sự đòi hỏi về vật chất, Cao Đài giáo đem lại sự hòa đồng những phương tiện sinh hoạt bằng cách làm cho nhân loại tự biết mình được bẩm thụ mọi khả năng sáng tạo để hình thành một nếp sống tốt đẹp cho mình và cho mọi người dưới sự an bài của một Đấng Tối Linh, chỉ có Ngài mới đủ quyền năng tế độ con người.

Để trả lời cho sự đòi hỏi về tinh thần, Cao Đài giáo đem lại sự dung hợp một cách linh động các tôn giáo đã có từ xưa nay làm thành một hệ thống cứu thế, do Đức Thượng Đế tá danh Cao Đài cai quản. Ngài vừa là **Thầy**, vừa là **Cha** chung nhân loại. Nói một cách tổng quát thì Cao Đài giáo là một chủ thuyết thực hành **Sự dung hợp Tâm linh Con người với Tâm Linh Vũ Trụ**.

Vì phạm tâm đã khuynh loát phần thiêng liêng nên Thượng Đế không giao Chánh giáo cho tay phạm như các cựu giáo mà chính Ngài giáng trần chấp chương qua huyền diệu cơ bút, một hình thức khoa học tâm linh cao nhất của nền khoa học chân chính trong viễn đồ nhân loại mà khoa học hiện đại không thể theo kịp. Đức Ngô Minh Chiêu, người được Đức Cao Đài dẫn dắt đầu tiên mà cũng là nhà khai sáng Cao Đài giáo, xét qua cuộc đời tu kỷ của ngài đã cho ta thấy nhiều ánh sáng đem lại lý tưởng đại đồng nhân loại cả Tâm lẫn Vật này. Chính ngài đã là mẫu mực dẫn lối đưa đường cho Chân lý xuất hiện cứu thế lần thứ ba tức là Cao Đài giáo hay Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ vậy.